TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1065**/2020/KDTM-PT
Ngày: 02/12/2020
V/v: t/c Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Nguyễn Thị Trinh.**

2. Ông **Ngô Thanh Nhàn.**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Bích Phượng** - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai Hương** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 11 năm 2020 và ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 123/2020/KDTM-PT ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 28/2020/KDTM-ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân HUYỆN HM, TP Hồ Chí Minh: bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5646/2020/QĐPT-KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng DC**

Địa chỉ: 22 NQ, phường TT, quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: : Ông M; Địa chỉ: LVS, Phường 14, Quận B, Tp.Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 2452/UQ-PVB ngày 10/7/2019). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1955; (vắng mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954

Cùng trú tại: xã XTS, HUYỆN HM, Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Ngô Ngọc T (Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2020). (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1982; (có đơn xin vắng mặt)

3.2. Trẻ Bồ Hoàng K sinh năm 2010;

3.3. Trẻ Bồ Gia K, sinh năm 2012;

3.4. Trẻ Phạm Trung K, sinh năm 2016,

Người giám hộ theo pháp luật của Hoàng K, Gia K, Trung K: Bà Phạm Thị Ngọc H - là mẹ ruột.

3.5. Bà Phạm Diệu H, (vắng mặt)

3.6 Ông Nguyễn Tấn L (vắng mặt)

3.7. Trẻ Nguyễn Phạm Băng C, sinh năm 2009.

Người giám hộ theo pháp luật của trẻ Băng C: Ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Diệu H là cha mẹ ruột.

3.8. Bà Phạm Diệu H, sinh năm 1987; (có đơn xin vắng mặt)

3.9.Ông Đặng Thanh Th, sinh năm 1986; (vắng mặt)

3.10. Trẻ Đặng Phạm Thiện N, sinh năm 2014;

3.11. Trẻ Đặng Phạm Khánh B, sinh năm 2017;

Người giám hộ theo pháp luật của trẻ N và trẻ B: Ông Đặng Thanh Th và bà Phạm Diệu Hlà cha mẹ ruột.

3.12. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1994; (Có đơn xin vắng mặt)

3.13. Bà Phạm Ngọc H, sinh năm 1980; (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: xã XTS, HUYỆN HM, Tp.Hồ Chí Minh.

3.14. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp XTD 1, xã XTD, HUYỆN HM, Tp.Hồ Chí Minh. (có mặt ngày 19/11/2020, vắng mặt ngày 02/12/2020)

4. *Người kháng cáo*: Bị đơn - Bà Nguyễn Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 30/9/2015 và tại Tòa án, Nguyên đơn là Ngân hàng DC có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng PT (nay đổi tên là Ngân hàng DC) có cho ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H vay tiền theo hợp đồng tín dụng số 3006/2011/HĐTD-CN.HCM.102 ngày 04/7/2011, khế ước nhận nợ số KUNN ngày 06/7/2011, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 23%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất thuộc thửa 368^{-1}, 369^{-1}, tờ bản đồ số 6, diện tích 736m^2, xã Xuân Thới Sơn, HUYỆN HM (giấy chứng nhận số Y935965, số vào sổ 1703/QSDĐ/Trang 143.Q9 ngày 31/5/2004 do Ủy Ban Nhân Dân HUYỆN HM cấp cho ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H) theo hợp đồng thế chấp số 3006/2011/HĐTC-CN.HCM.102 ngày 04/7/2011 lập tại PCC 4 – thành phố Hồ Chí Minh. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng tài nguyên và Môi trường HUYỆN HM ngày 04/7/2011.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà H đã trả nợ gốc là 324.370.031 đồng và tổng cộng 233.153.043 đồng tiền lãi. Hợp đồng đã hết hạn từ ngày 07/7/2012 nhưng ông H và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên các khoản nợ đã chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/6/2020, ông H và bà H còn nợ Nguyên đơn tổng cộng 2.473.862.223 đồng, gồm : nợ gốc là 675.629.969 đồng và nợ lãi trong hạn 11.401 đồng và quá hạn là 1.798.220.853 đồng. Do ông H và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Bị đơn là ông H và bà H phải trả ngay khoản nợ trên cùng tiền lãi theo hợp đồng kể từ ngày 20/6/2020 đến khi trả xong nợ. Trường hợp Bị đơn không trả được nợ thì Nguyên đơn yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả lại tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp 2.000.000 đồng theo Thông báo số 189/TB-TA ngày 16/8/2019 của Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H xác nhận các nội dung trình bày của phía Nguyên đơn về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, số tiền vay, tài sản thế chấp, số tiền đã thanh toán, số tiền còn nợ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng bà là ông Phạm Văn H bị bệnh nặng nhiều năm nay nên ông bà không có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Đề nghị phía ngân hàng miễn giảm tiền lãi và tạo điều kiện cho ông bà trả dần nợ gốc.

Về việc chuyển nhượng một phần tài sản đã thế chấp cho bà Phạm Thị S: bà H xác nhận sau khi thế chấp cho Nguyên đơn để vay tiền thì gia đình bà có ký giấy tay ngày 17/4/2012 để bán cho bà Phạm Thị Sg 240m^2, thuộc thửa 368, tờ bản đồ số 6, xã Xuân Thới Sơn, giá 400.000.000 đồng. Tuy nhiên sự thật là ông H và bà vay của bà S 400.000.000 đồng nhưng bà S buộc viết giấy bán đất để bảo đảm chứ không có việc bán đất. Gia đình bà đã trả cho bà Sương 370.000.000 đồng. Hiện bà S đang khởi kiện ông bà để tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất và được Tòa án thụ lý giải quyết trong vụ án dân sự khác.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2016, Bị đơn là ông Phạm Văn H trình bày: Ông H thống nhất với ý kiến của Nguyễn Thị H và đồng ý trả cho Nguyên đơn số nợ còn thiếu tính đến ngày 29/02/2016 gồm : gốc là 675.629.969 đồng và tiền lãi 838.672.404 đồng tổng cộng là 1.514.302.373 đồng. Ông H đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 3006/2011/HĐTD-CNHCM.102 kể từ ngày 01/3/2016. Khi trả xong nợ, đề nghị Ngân hàng trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y935965, số vào sổ cấp giấy 1703/QSDĐ do UBND HUYỆN HM.

Tại bản tự khai, đơn xin vắng mặt, văn bản trình bày ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Các bà là con của ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H, khi cha mẹ vay tiền ngân hàng thì các bà không biết. Các bà thống nhất ý kiến và đề nghị của cha mẹ, không có ý kiến yêu cầu gì khác và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị S trình bày: ngày 17/4/2012 bà mua của ông H 240m^2, thuộc thửa đất số 368, tờ bản đồ số 6, xã XTS giá 400.000.000 đồng, người bán phải xong thủ tục giấy tờ trong 06 tháng. Bà đã trả đủ tiền nhưng phía ông H không thực hiện nghĩa vụ nên bà đồng ý cho chuộc lại bằng số tiền 400.000.000 đồng, bà H tự nguyện trả lãi 5%/tháng trong thời gian chưa trả lại tiền, tiền lãi đã trả là 170.000.000 đồng. Do ông H chưa trả tiền gốc nên bà S khởi kiện

ông H, bà H để tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất và được Tòa án thụ lý giải quyết trong vụ án dân sự khác. Trong vụ án này bà Sương không có yêu cầu độc lập.

Phần ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN HM:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 28/2020/KDTM-ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân HUYỆN HM Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 157; Khoản 1 Điều 158; Điều 266; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng DC số tiền 2.473.862.223 đồng, trong đó nợ gốc là 675.629.969 đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 19/6/2020 là 1.798.232.254 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 3006/2011/HĐTD-CN.HCM.102 ngày 04/7/2011.

2. Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng DC tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, và các khoản chi phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 20/6/2020 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên.

3. Ngay sau khi ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H thanh toán xong khoản nợ nêu trên, Ngân hàng DC phải trả lại cho Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị H 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y935965, số vào sổ 1703/QSDĐ/Trang 143.Q9 ngày 31/5/2004.

4. Trường hợp ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ, Ngân hàng DC có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa thửa đất số 368^{-1}, 369^{-1}, tờ bản đồ số 6, diện tích 736m^2, xã XTS, HUYỆN HM, theo Giấy chứng nhận số Y935965, số vào sổ 1703/QSDĐ/Trang 143.Q9 ngày 31/5/2004, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 3006/2011/HĐTC-CN.HCM.102 ngày 04/7/2011 để thu hồi nợ.

5. Buộc ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền 2.000.000 đồng cho Ngân hàng DC.

6. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu số tiền 81.477.244 đồng nhưng được miễn nộp án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi. Trả lại cho Ngân hàng DC số tiền 27.369.610 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0007888 ngày 09/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN HM, Tp.Hồ Chí Minh.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 09/7/2020, bà Nguyễn Thị H nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Đề nghị Nguyên đơn xem xét mức lãi suất và miễn giảm tiền lãi đồng thời trả dần nợ gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn trình bày: Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm. Không đồng ý kháng cáo của bị đơn.

Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan - bà S trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử đúng pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại HUYỆN HM, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân HUYỆN HM căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự không kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo gồm: ông Phạm Văn H, ông Đặng Thanh Th, ông Nguyễn Tấn L và bà Phạm Thị S: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Quyết định xét xử và giấy triệu tập ông H, ông Th, ông L và Quyết định tạm ngừng phiên tòa cho bà S để tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông H, ông Th, ông Lvà bà S vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự gồm: bà Phạm Ngọc H, Phạm Thị Ngọc H, Phạm Diệu H, Phạm Diệu H, Phạm Thị Thu H có đơn xin vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên .

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn - bà Nguyễn Thị H về việc xem xét miễn giảm tiền lãi và xin trả dần nợ gốc, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Theo hợp đồng tín dụng số 3006/2011/HĐTD-CN.HCM.102 ngày 04/7/2011, khế ước nhận nợ số KUNN ngày 06/7/2011 do Nguyên đơn và bị đơn ký kết thì lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng là 23%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại bảng kê tính lãi do Nguyên đơn cung cấp tại Tòa án thì tổng tiền nợ lãi lãi tính đến hết ngày 19/6/2020 là 2.033.162.569 đồng với lãi suất 29,28%/năm cho thấy việc Nguyên đơn tính lãi là không cao hơn lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng và thỏa thuận này cũng phù hợp quy định tại Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010. Ngoài ra việc bà H xin trả dần nợ gốc cũng không phù hợp với các thỏa thuận tại hợp đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 19/6/2020 tổng cộng là 2.473.862.223 đồng, trong đó nợ gốc là 675.629.969 đồng và nợ lãi là 1.798.232.254 đồng là có căn cứ pháp luật. Kháng cáo của bà H là không có cơ sở để được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giữ nguyên nội dung quyết định nêu trên của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tại phiên tòa.

[5] Về nội dung các quyết định khác của bản án sơ thẩm do các bên đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng DC

1.1 Buộc ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng DC số tiền nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 3006/2011/HĐTD-CN.HCM.102 ngày 04/7/2011 tính đến ngày 19/6/2020 tổng cộng là 2.473.862.223 đồng, trong đó gồm: nợ gốc là 675.629.969 đồng và nợ lãi là 1.798.232.254 đồng,

1.2. Kể từ ngày 20/6/2020 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên, ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả cho Ngân hàng DC tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, và các khoản chi phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng

1.3. Ngay sau khi ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H thanh toán xong khoản nợ nêu trên, Ngân hàng DC phải trả lại cho Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị H 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y935965, số vào sổ 1703/QSDĐ/Trang 143.Q9 ngày 31/5/2004.

1.4. Trường hợp ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng DC có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa thửa đất số 368^{-1}, 369^{-1}, tờ bản đồ số 6, diện tích 736m^2, xã XTS, HUYỆN HM (Giấy chứng nhận số Y935965, số vào sổ 1703/QSDĐ/Trang 143.Q9 ngày 31/5/2004) theo hợp đồng thế chấp tài sản số 3006/2011/HĐTC-CN.HCM.102 ngày 04/7/2011 để thu hồi nợ.

1.5. Buộc ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H phải liên đới trả lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, số tiền 2.000.000 đồng cho Ngân hàng DC.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu số tiền 81.477.244 đồng nhưng được miễn nộp án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi. Trả lại cho Ngân hàng DC số tiền 27.369.610 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0007888 ngày 09/11/2015 của Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN HM, Tp.Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: bà Nguyễn Thị H phải chịu là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0076124 ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN HM TP. Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- TAND hyện HM

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS HUYỆN HM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Hà Thanh Thủy